

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2019/DS-PT
Ngày: 28-11-2019
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Ánh Nguyệt.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Quốc Vũ;
2. Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019, về “Tranh chấp thừa kế tài sản”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 34/2018/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: **305/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 10** năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Trung T1, sinh năm 1993; cư trú tại: Số 79, Đường H, khu phố 3, Phường 3, thành phố T, tỉnh T; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Quế A, sinh năm 1970; cư trú tại: Số 071, Đường N, khu phố 2, Phường 2, thành phố T, tỉnh T; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trương Thị H1, sinh năm 1950; cư trú tại: Số 646, đường C, khu phố 7, Phường 3, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị H1: Ông Lê Trường T2, sinh năm 1976; cư trú tại: Số 646, đường C, khu phố 7, Phường 3, thành phố T, tỉnh T; theo Giấy ủy quyền ngày 21-11-2017; có mặt.

3.2. Anh Lê Trung H2, sinh năm 2000; cư trú tại: Khu phố 1, Phường 1, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đoàn Thị Thanh H3, sinh năm 1975; cư trú tại: Khu phố 1, Phường 1, thành phố T, tỉnh T; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H3, anh H2: Anh Lê Trung T1, sinh năm 1993; cư trú tại: Số 79, Đường H, khu phố 3, Phường 3, thành phố T, tỉnh T; theo Giấy ủy quyền ngày 05-12-2017; có mặt.

3.3. Lê Nguyễn Trung N1, sinh ngày 05-12-2008; cư trú tại: Số 071, Đường N, khu phố 2, Phường 2, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Quế A, sinh năm 1970; cư trú tại: Số 071, Đường N, khu phố 2, Phường 2, thành phố T, tỉnh T; có mặt.

5. Người kháng cáo:

5.1. Anh Lê Trung T1 là nguyên đơn;

5.2. Bà Nguyễn Thị Quế A là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 08 tháng 01 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Trung T1 trình bày:

Ông Lê Nhất T3 và bà Đoàn Thị Thanh H3 chung sống vợ chồng có được 02 con chung là anh và anh Lê Trung H2; ông T3, bà H3 đã ly hôn vào năm 2005. Đến năm 2007, ông T3 kết hôn với bà Nguyễn Thị Quế A và có 01 con chung tên Lê Nguyễn Trung N1; năm 2012 ông T3 bị tai nạn giao thông chết. Ông T3 chết có để lại khối tài sản như sau:

Tài sản riêng của ông T3 có được trước khi chung sống với bà Quế A: Nhà và đất tọa lạc tại số B3, đường B, khu phố 1, Phường 3, thành phố T, tỉnh T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 310/QĐ-UBND.GCN cấp ngày 26-11-2008 (có quyền sở hữu nhà do anh cất giữ); phần đất diện tích 156 m², thửa số 95, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại khu phố 1, Phường IV, thành phố T, tỉnh T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 343/QSĐĐ/162/TT-ĐC cấp ngày 22-01-2003 do bà Quế A đang cất giữ.

Tài sản chung của ông T3 và bà Quế A: Phần đất thửa số 131, tờ bản đồ số 159, diện tích 81,2m², trên đất có căn nhà, tọa lạc tại số 32, đường số 12, khu phố 16, phường B1, quận B2, Thành phố H4; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 487568 cấp ngày 25-4-2011 do ông Lê Nhất T3 và bà Nguyễn Thị Quế A đứng tên quyền sử dụng, hiện bà Quế A cất giữ.

Anh thống nhất về hàng thừa kế của ông T3 gồm 5 người: Bà Trương Thị H1, anh (Lê Trung T1), anh Lê Trung H2, bà Nguyễn Thị Quế A và anh Lê Nguyễn Trung N1. Anh thống nhất kết quả đo đạc, thẩm định giá các tài sản trên.

Nay, anh khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật; anh yêu cầu được nhận hiện vật là căn nhà và phần đất diện tích 187,31m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 310/QĐ-UBND.GCN ngày 26-11-2008 (có

quyền sở hữu nhà); tọa lạc tại số B3, đường 30 tháng 4, khu phố 1, Phường 3, thành phố T, tỉnh T, anh có trách nhiệm hoàn trả giá trị bằng tiền lại cho những người thừa kế khác. Lý do anh yêu cầu được nhận hiện vật là vì đây là tài sản mà ông T3 và bà H3 (mẹ anh) tạo dựng được khi còn sống chung nên anh có yêu cầu nhận làm kỷ niệm và nhằm mục đích có nơi thờ cúng ông T3. Riêng các tài sản khác thì anh yêu cầu nhận giá trị bằng tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Quế A trình bày:

Bà xác nhận, bà và ông Lê Nhất T3 chung sống vợ chồng vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố T. Quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Lê Nguyễn Trung N1. Ông T3 chết vào năm 2012, không để lại di chúc.

Bà thống nhất lời trình bày của anh Lê Trung T1 đối với những người được hưởng di sản của ông Lê Nhất T3, gồm có: Bà Trương Thị H1, anh Lê Trung T1, anh Lê Trung H2, bà (Nguyễn Thị Quế A) và anh Lê Nguyễn Trung N1. Bà thống nhất di sản thừa kế do ông T3 để lại như anh T1 đã trình bày, gồm có:

- Tài sản riêng của ông T3 có được trước khi chung sống với bà gồm: Nhà và đất tọa lạc tại số B3, đường B, khu phố 1, Phường 3, thành phố T, tỉnh T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 310/QĐ-UBND.GCN ngày 26-11-2008 (có quyền sở hữu nhà). Phần đất diện tích 156 m², thửa số 95, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại khu phố 1, Phường IV, thành phố T, tỉnh T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 343/QSĐĐ/162/TT-ĐC cấp ngày 22-01-2003, hiện bà đang cất giữ.

- Tài sản chung của ông T3 và bà gồm có: Phần đất thửa số 131, tờ bản đồ số 159, diện tích 81,2 m², tọa lạc tại số 32 đường số 12, khu phố 16, phường B1, quận B2, Thành phố H4; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BD 487568 cấp ngày 25-4-2011 do ông Lê Nhất T3 và bà đứng tên quyền sử dụng, hiện bà đang cất giữ.

Nay, bà thống nhất yêu cầu chia di sản thừa kế đối với tài sản trên; bà yêu cầu chia theo quy định của pháp luật. Bà yêu cầu được nhận hiện vật là căn nhà và đất tại số B3 đường B, khu phố 1, Phường 3, thành phố T, diện tích 187,31 m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 310/QĐ-UBND.GCN ngày 26-11-2008, bà hoàn tiền lại theo giá trị thực tế cho những người thuộc hàng thừa kế còn lại; lý do bà yêu cầu được nhận hiện vật vì muốn có căn nhà riêng tại T để sống cùng con trai cho ổn định. Riêng căn nhà tại Thành phố H4 và phần đất tại Phường IV, bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, nếu giao cho bà thì bà đồng ý nhận hiện vật và hoàn tiền lại cho những người thừa kế khác. Bà thống nhất kết quả đo đạc, thẩm định giá các tài sản nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Người đại diện theo ủy quyền của cụ Trương Thị H1 - ông Lê Trường T2 trình bày: Ông Lê Nhất T3 là con ruột của cụ Lê Văn H5, sinh năm 1945, mất năm 2005 và cụ Trương Thị H1, sinh năm 1950, hiện còn sống. Cụ H1 thống nhất lời trình bày của anh T1 và bà Quế A về việc xác định hàng thừa kế và di

sản thừa kế do ông T3 để lại; thống nhất kết quả đo đạc, thẩm định giá tài sản. Nay, cụ H1 yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế của ông T3 để lại theo quy định của pháp luật, cụ đồng ý nhận tiền theo trị giá tài sản đã được định giá. Tuy nhiên, cụ H1 cũng mong muốn Tòa án giải quyết cho anh T1 được nhận tài sản là căn nhà tại số B3, đường B, khu phố 1, Phường 3, thành phố T.

- Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Trung H2 - anh Lê Trung T1 trình bày: Thống nhất về việc xác định hàng thừa kế và di sản thừa kế do ông T3 để lại; thống nhất kết quả đo đạc, thẩm định giá tài sản. Nay, anh yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế của ông T3 để lại theo quy định của pháp luật, anh đồng ý nhận tiền theo trị giá tài sản đã được định giá; anh cũng mong muốn Tòa án giải quyết cho anh (T1) được nhận tài sản là căn nhà tại số B3, đường B, khu phố 1, Phường 3, thành phố T.

- Người đại diện hợp pháp của anh Lê Nguyễn Trung N1 - bà Nguyễn Thị Quế A trình bày: Bà thống nhất về việc xác định hàng thừa kế và di sản thừa kế do ông T3 để lại; thống nhất kết quả đo đạc, thẩm định giá tài sản. Nay bà và anh Nhân yêu cầu được nhận phần thừa kế của ông T3 để lại theo quy định của pháp luật và yêu cầu được nhận hiện vật là căn nhà, đất tại số B3, đường B khu phố 1, Phường 3, thành phố T; hoàn tiền lại theo giá trị thực tế cho những người thuộc hàng thừa kế còn lại.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 34/2018/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 635, 645, 675, 676 và Điều 685 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Lê Trung T1 “Tranh chấp thừa kế tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Quế A.

Anh Lê Trung T1 được quyền quản lý, sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đối với phần đất diện tích 156 m², thửa số 95, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại khu phố 1, Phường IV, thành phố T, tỉnh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00343/QSĐĐ/162/TT-ĐC do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 22-01-2003 cho ông Lê Nhất T3 đứng tên.

Bà Nguyễn Thị Quế A được quyền sở hữu, sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đối với tài sản gồm:

- Phần đất thửa số 09, tờ bản đồ số 20, diện tích 110 m² tọa lạc tại số B3 (số mới 252), đường B, khu phố 1, Phường 3, thành phố T, tỉnh T; trên đất có nhà ở diện tích sàn 187,31m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 310/2008/QĐ-UBND.GCN do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 26-11-2008 cho ông Lê Nhất T3 đứng tên.

- Phần đất thửa số 131, tờ bản đồ số 159, diện tích 81,2 m², trên đất có nhà diện tích xây dựng là 81,2 m² tọa lạc tại số 32, đường số 12, khu phố 16, phường B1, quận B2, Thành phố H4 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đất số: BD 487568 do Ủy ban nhân dân quận B2 cấp ngày 25-4-2011 cho ông Lê Nhất T3 và bà Nguyễn Thị Quế A đứng tên.

Bà Nguyễn Thị Quế A có trách nhiệm hoàn lại cho cụ Trương Thị H1, anh Lê Trung H2 (người đại diện bà Đoàn Thị Thanh H3), anh Lê Nguyễn Trung N1 (người đại diện bà Nguyễn Thị Quế A) mỗi người số tiền 1.453.500.000 (một tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng; hoàn lại cho anh Lê Trung T1 số tiền 433.500.000 (bốn trăm ba mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 21-5-2018, anh Lê Trung T1 có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu được nhận phần nhà đất diện tích 187,31 m²; tọa lạc tại: B3 đường B, khu phố 1, Phường 3, thành phố T; thuộc thửa số 9, tờ 20, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Nhất T3 đứng tên; vì: Anh muốn giữ lại nhà đất này để làm nơi thờ cúng cha, mặt khác anh và em trai là Lê Trung H2 không có nhà nào khác để ở, trong khi Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà Quế A cả 02 căn nhà là không hợp lý, hợp tình. Đối với hai phần đất còn lại, anh yêu cầu được nhận bằng giá trị vì không đủ điều kiện kinh tế để thanh toán.

Ngày 24-5-2018, bà Nguyễn Thị Quế A có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận thanh toán công sức đóng góp, chi phí bảo quản di sản và các chi phí khác cho bà theo quy định tại Điều 658 của Bộ luật Dân sự.

Ngày 31-7-2018, bà Nguyễn Thị Quế A có đơn kháng cáo bổ sung, nội dung yêu cầu xem xét lại tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với Lê Nguyễn Trung N1 vì Nhân là trẻ em nên không phải chịu án phí.

Tại Bản án Dân sự phúc thẩm số: 140/2018/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Trung T1; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Quế A; sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 34/2018/DS-ST, ngày 15-5-2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T.
3. Căn cứ vào Điều 635, 645, 675, 676 và Điều 685 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 7 Điều 27 của Pháp lệnh Án phí và lệ phí Tòa án; điểm e khoản 1 Điều 11; khoản 1, 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
4. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Lê Trung T1 “Tranh chấp thừa kế tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Quế A.
5. Anh Lê Trung T1 được quyền quản lý, sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đối với phần đất diện tích 156 m², thửa số 95, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại

khu phố 1, Phường IV, thành phố T, tỉnh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00343/QSĐĐ/162/TT-ĐC do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 22-01-2003 cho ông Lê Nhất T3 đứng tên.

6. Bà Nguyễn Thị Quế A được quyền sở hữu, sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đối với tài sản gồm:

6.1. Phần đất thừa số 09, tờ bản đồ số 20, diện tích 110 m², tọa lạc tại số B3 (số mới 252), đường B, khu phố 1, Phường 3, thành phố T, tỉnh T; trên đất có nhà ở diện tích sàn 187,31 m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 310/2008/QĐ-UBND.GCN do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 26-11-2008 cho ông Lê Nhất T3 đứng tên.

6.2. Phần đất thừa số 131, tờ bản đồ số 159, diện tích 81,2 m², trên đất có nhà diện tích xây dựng là 81,2 m² tọa lạc tại số 32, đường số 12, khu phố 16, phường B1, quận B2, Thành phố H4 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BD 487568 do Ủy ban nhân dân quận B2 cấp ngày 25-4-2011 cho ông Lê Nhất T3 và bà Nguyễn Thị Quế A đứng tên.

6.3. Bà Nguyễn Thị Quế A có trách nhiệm giao cho cụ Trương Thị H1, anh Lê Trung H2 (người đại diện bà Đoàn Thị Thanh H3), anh Lê Nguyễn Trung N1 (người đại diện bà Nguyễn Thị Quế A) mỗi người số tiền 1.453.500.000 (một tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng; giao cho anh Lê Trung T1 số tiền 433.500.000 (bốn trăm ba mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Quế A đồng ý cho thêm anh Lê Trung T1, Lê Trung H2 số tiền 66.500.000 (sáu mươi sáu triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án và quyền yêu cầu thi hành án.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 158/2019/DS-GĐT ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H4 đã quyết định:

Căn cứ Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm số 37/2019/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 15-3-2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố H4 về vụ án “Tranh chấp thừa kế tài sản” giữa nguyên đơn ông Lê Trung Tuyền với bị đơn là bà Nguyễn Thị Quế A.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 140/2018/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh T; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định.

Ngày 15/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hàng thừa kế: Ông Lê Nhất T3 có cha là ông Lê Văn H5 chết năm 2005 và mẹ là bà Trương Thị H1. Ông T3 và bà Đoàn Thị Thanh H3 chung sống vợ chồng có 02 con chung là anh Lê Trung T1 và anh Lê Trung H2. Năm 2005 ông T3 và bà H3 ly hôn. Năm 2007 ông T3 kết hôn với bà Nguyễn Thị Quế A và có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Trung N1. Năm 2012 ông T3 chết không để lại di chúc. Vậy bà H1, bà Quế A, anh T1, anh H2 và cháu N1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T3 theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự.

[2] Về di sản thừa kế

[2.1] Tài sản riêng của ông T3 có trước khi chung sống với bà Quế A gồm có: nhà và đất diện tích 110 m², thửa số 09, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại số B3 (số mới 252), đường B, khu phố 1, Phường 3, thành phố T, tỉnh T; trên đất có nhà ở diện tích sàn 187,31 m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 310/2008/QĐ-UBND.GCN do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 26-11-2008 cho ông Lê Nhất T3 đứng tên và phần đất diện tích 156 m², thửa số 95, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại khu phố 1, Phường IV, thành phố T, tỉnh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00343/QSDĐ/162/TT-ĐC do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 22-01-2003 cho ông Lê Nhất T3 đứng tên.

[2.2] Tài sản chung của ông T3 và bà Quế A gồm có: Phần đất diện tích 81,2 m², thửa số 131, tờ bản đồ số 159, trên đất có nhà diện tích xây dựng là 81,2 m² tọa lạc tại số 32, đường số 12, khu phố 16, phường B1, quận B2, Thành phố H4 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BD 487568 do Ủy ban nhân dân quận B2 cấp ngày 25-4-2011 cho ông Lê Nhất T3 và bà Nguyễn Thị Quế A đứng tên.

Do ông T3 chết không để lại di chúc nên Tòa án cấp sơ thẩm chia những di sản trên của ông T3 theo pháp luật là đúng theo quy định tại Điều 650 của Bộ luật dân sự.

[3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Trung T1, anh Lê Trung H2 và bà Trương Thị H1 thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T1 được nhận di sản thừa kế là căn nhà số B3 (số mới 252), đường B, khu phố 1, Phường 3, thành phố T, tỉnh T vì căn nhà này là nơi anh T1, anh H2, bà H3 và ông T3 chung sống nhiều năm, có nhiều kỷ niệm, để dùng làm nơi thờ cúng ông T3 và tạo điều kiện để anh T1 và anh H2 có chỗ ở ổn định.

[4] Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 37/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 15/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố H4 đã kháng nghị hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 140/2018/DS-PT ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh T và đình chỉ thi hành bản án trên.

[5] Tại Quyết định giám đốc thẩm số 158/2019/DS-GĐT ngày 03-7-2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H4, đã hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 140/2018/DS-PT ngày 17-8-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh T và nhận định:

“Bà H1 và anh H2 đồng ý giao kỹ phần thừa kế cho anh T1 nên bà H1, anh T1 và anh H2 được hưởng tổng giá trị tài sản là 4.360.500.000 đồng, cao hơn giá trị căn nhà số B3 (số mới 252), đường B, khu phố 1, Phường 3, thành phố T, tỉnh T (Định giá là 4.281.649.000 đồng). Do đó, yêu cầu của anh T1 về việc chia di sản thừa kế của ông T3 để lại và yêu cầu nhận nhà đất tại số B3 (số mới 252), đường B, khu phố 1, Phường 3, thành phố T, tỉnh T là có căn cứ.

Bà Anh thừa nhận có thời gian sống chung với ông T3 tại căn nhà trên nhưng sau đó bà về nhà cha mẹ ruột sống, nhà này chỉ cho thuê. Do đó, bà Anh cho rằng bà và cháu N1 chưa có chỗ ở ổn định là không có căn cứ. Hơn nữa, bà Anh còn có căn nhà khác tại số 32, đường số 12, khu phố 16, phường B1, quận B2, Thành phố H4 nên có điều kiện hơn về chỗ ở”.

[6] Trong khoảng thời gian sau khi có bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh T, trước khi có Quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H4 thì các đương sự đã thi hành xong tất cả các nghĩa vụ theo bản án phúc thẩm số 140/2018/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã tuyên và các đương sự gồm anh T1, bà H1 và cháu Hiếu đã nhận số tiền được chia di sản thừa kế và nộp xong tiền án phí tại cơ quan thi hành án (Biên bản xác minh ngày 08-11-2019; Bút lục 294). Ngày 09-01-2019 bà Nguyễn Thị Quế A được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số CS08085 đối với nhà và đất tọa lạc tại số B3 (số mới 252), đường B, khu phố 1, Phường 3, thành phố T, tỉnh T. Ngày 15-01-2019 bà Quế A chuyển nhượng nhà đất trên cho bà Phạm Thị Vân A1 và ông Lương Anh T4; địa chỉ số 01 ngách 79 ngõ T4, phường T4, quận Đa, Thành phố H6. Ngày 25-01-2019 bà Vân A1 và ông T4 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 08212 đối với nhà đất trên. Sau đó ngày 18-3-2019, ông T4 và bà Vân A1 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho Ngân hàng N2

Đối với nhà và đất tại số 32, đường số 12, khu phố 16, phường B1, quận B2, Thành phố H4 thì sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, ngày 03-5-2019 bà Nguyễn Thị Quế A được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H4 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS27171, sau đó ngày 13-5-2019 bà Quế A chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất trên cho anh Phan Pha D và chị Dương Thị Như Y.

Theo bà Quế A trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 12-11-2019 và tại phiên tòa phúc thẩm thì anh Pha D và chị Như Y đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên tại Ngân hàng.

[7] Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-11-2019 và tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lê Trung T1 giữ nguyên yêu cầu được chia di sản thừa kế do ông T3 để lại và được nhận căn nhà số B3 (số mới 252), đường B, khu phố 1, Phường 3, thành phố T, tỉnh T, anh T1 yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15-01-2019 giữa bà Nguyễn Thị Quế A với bà Phạm Thị Vân A1 và ông Lương Anh T4, yêu cầu Tòa án tiến hành định giá lại giá trị thực tế của căn nhà số B3 (số mới 252), đường B, khu phố 1, Phường 3, thành phố T, tỉnh T và căn nhà số 32, đường số 12, khu phố 16, phường B1, quận B2, Thành phố H4; yêu cầu Tòa án đưa bà Vân A1, ông T4, anh Pha D, chị Như Y, Ngân hàng N2 và Ngân hàng đang nhận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn nhà số 32, đường số 12, khu phố 16, phường B1, quận B2, Thành phố H4 vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[7.1] Xét thấy, việc bà Quế A chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất tại số B3 (số mới 252), đường B, khu phố 1, Phường 3, thành phố T, tỉnh T cho bà Vân A1 và ông T4; bà Vân A1 và ông T4 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó bà Vân A1 và ông T4 mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đi thế chấp tại Ngân hàng N2 cũng như việc bà Quế A chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 32, đường số 12, khu phố 16, phường B1, quận B2, Thành phố H4 cho anh Pha D và chị Như Y

(Sau khi có quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 37/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 15-3-2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố H4 đình chỉ thi hành bản án dân sự phúc thẩm số 140/2018/DS-PT ngày 17-8-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh T) đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của bà Vân A1, ông T4, chị Như Y, anh Pha D, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T và Ngân hàng N2 đối với 2 phần nhà đất là di sản thừa kế của ông T3 trong vụ án. Nên cần đưa bà Vân A1, ông T4, chị Như Y, anh Pha D, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T và Ngân hàng N2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này thì mới giải quyết triệt để vụ án.

[7.2] Ngoài ra, bà Quế A trình bày phần nhà đất tại số nhà số 32, đường số 12, khu phố 16, phường B1, quận B2, Thành phố H4 anh Pha D và chị Như Y đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp tại Ngân hàng nên cũng cần làm rõ có sự việc anh Pha D và chị Như Y đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp tại Ngân hàng hay không? Nếu có thì cần đưa cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Ngân hàng đã nhận thế chấp căn nhà trên vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[7.3] Đồng thời khi giải quyết vụ án còn cần phải thu thập tài liệu chứng cứ để xác định tính hợp pháp của 2 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Quế A với ông T4, bà Vân A1, và giữa bà Quế A với anh Pha D và chị Như Y thì mới đảm bảo giải quyết được quyền lợi của tất cả các bên trong vụ án. Những vấn đề mới phát sinh này không thể thực hiện bổ sung tại cấp phúc thẩm được. Ngoài ra, tại Tòa anh T1, anh H2, bà H3 và ông T2 thống nhất yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp theo giá thị trường để phân chia theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung như đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh T là phù hợp.

Việc án sơ thẩm bị hủy là do mới phát sinh tình tiết sau khi đã xét xử sơ thẩm, nên tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[8] Về án phí:

[8.1] về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Trương Thị H1, sinh năm 1950 là người cao tuổi và có đơn xin được miễn án phí nên cần miễn án phí dân sự sơ thẩm với bà H1; cháu Lê Nguyễn Trung N1, sinh năm 2000 là người dưới 18 tuổi. Khi xét xử cấp sơ thẩm buộc bà H1 và cháu N1 chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là không đúng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Cấp sơ thẩm cần khắc phục khi giải quyết lại vụ án.

[8.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy Bản án Dân sự sơ thẩm số: 34/2018/DS-ST, ngày 15-5-2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Quế A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho bà Quế A số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005539 ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Anh Lê Trung T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho anh T1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số: 0005490 ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND.TTN;
- TAND. TPTN;
- Chi cục THADS. TPTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lưu Ánh Nguyệt

Quyết định ngày 05

